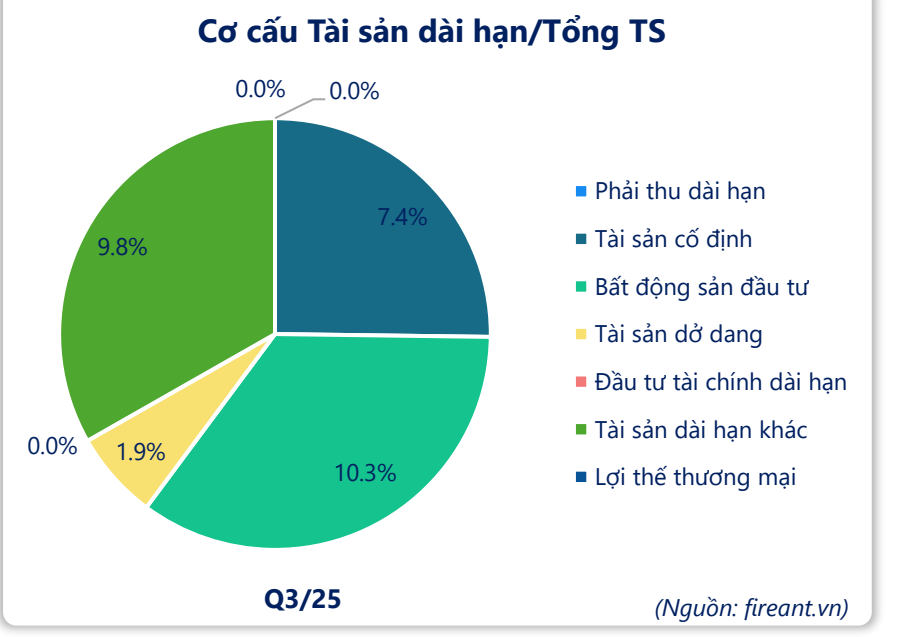
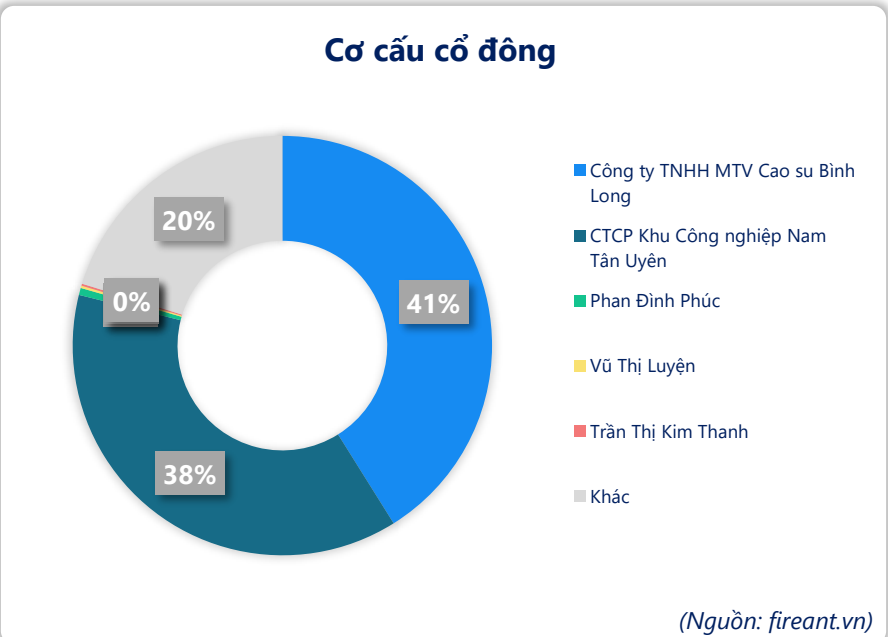
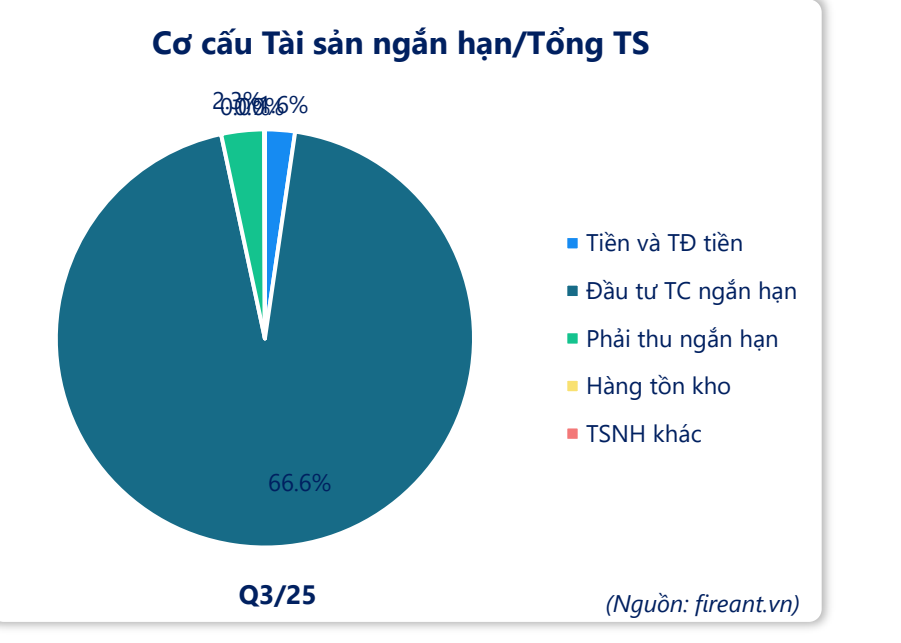
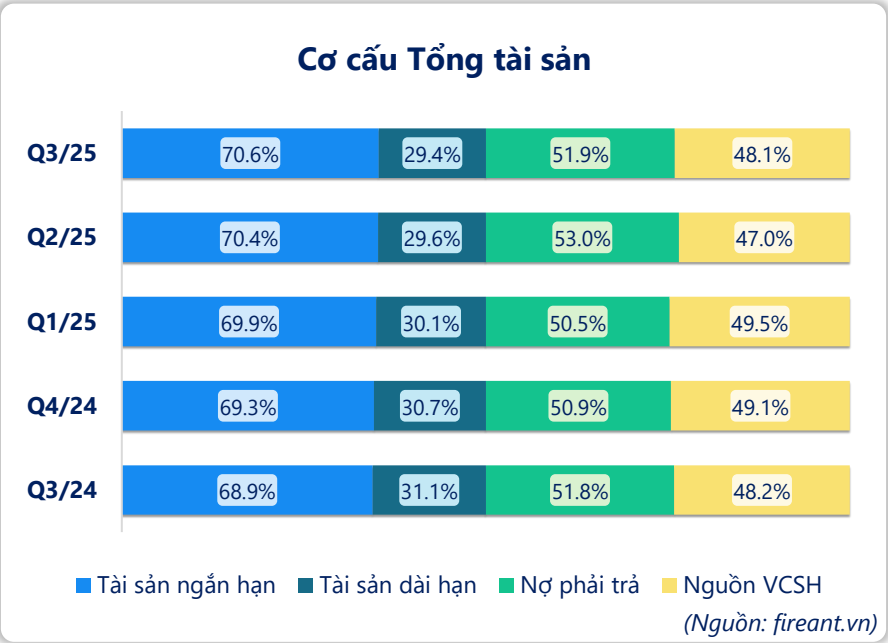
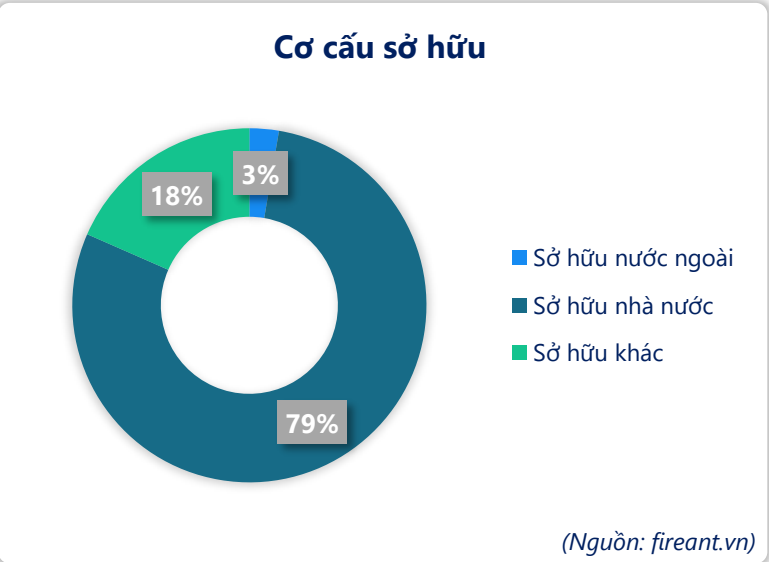
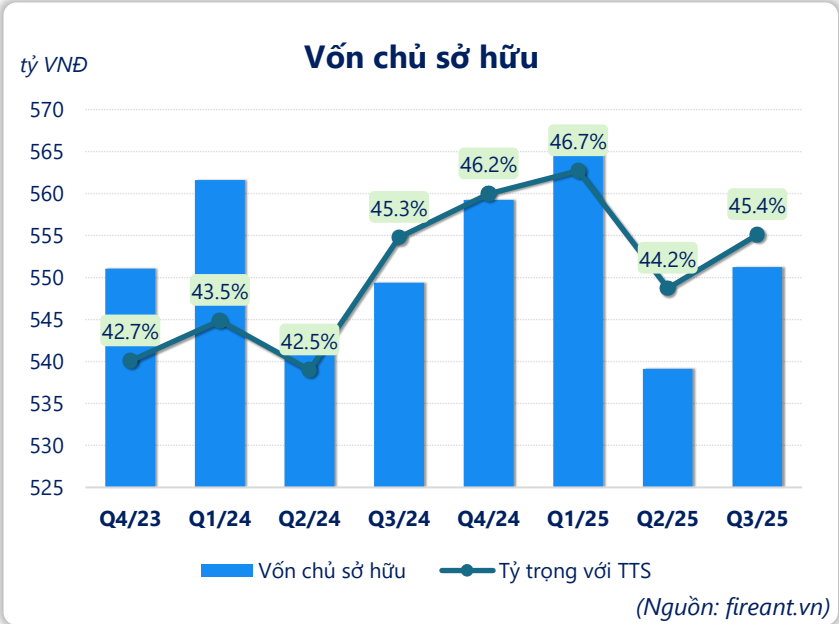
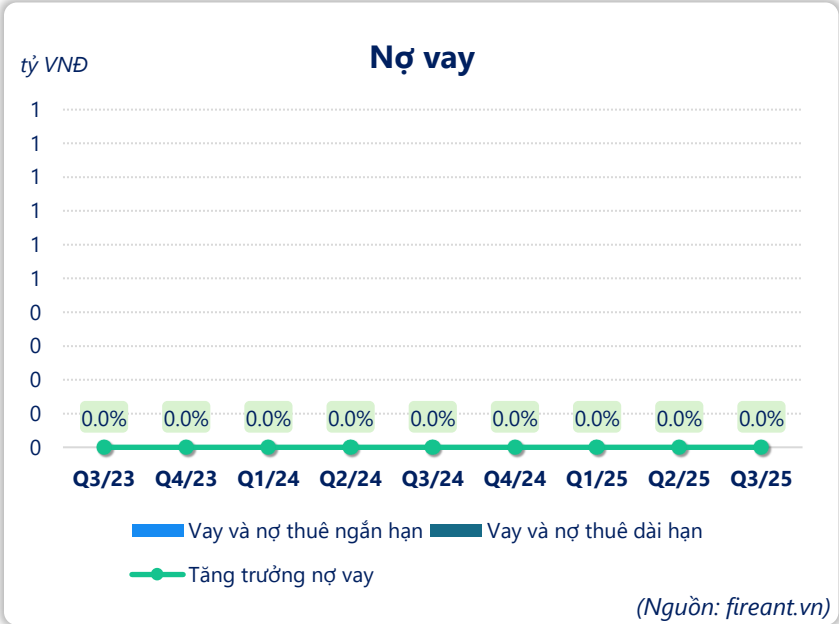
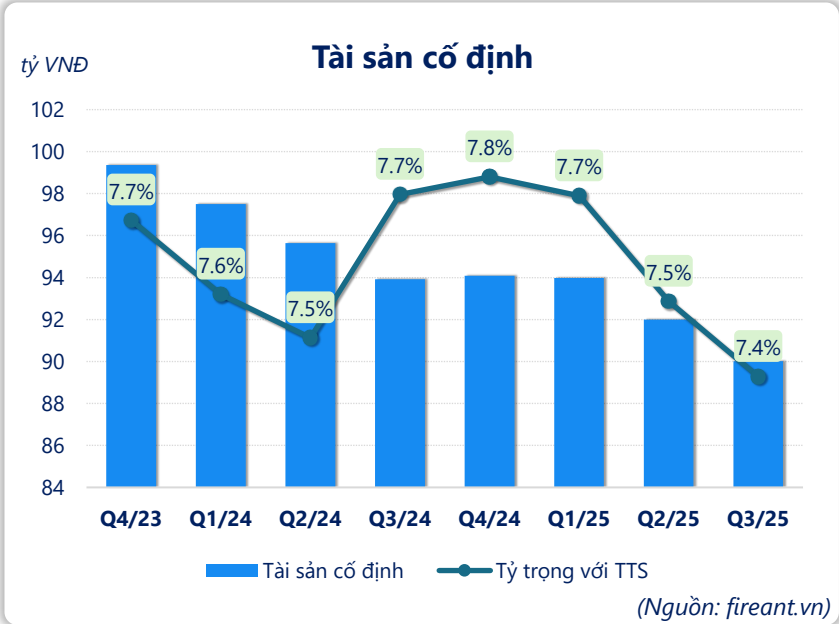
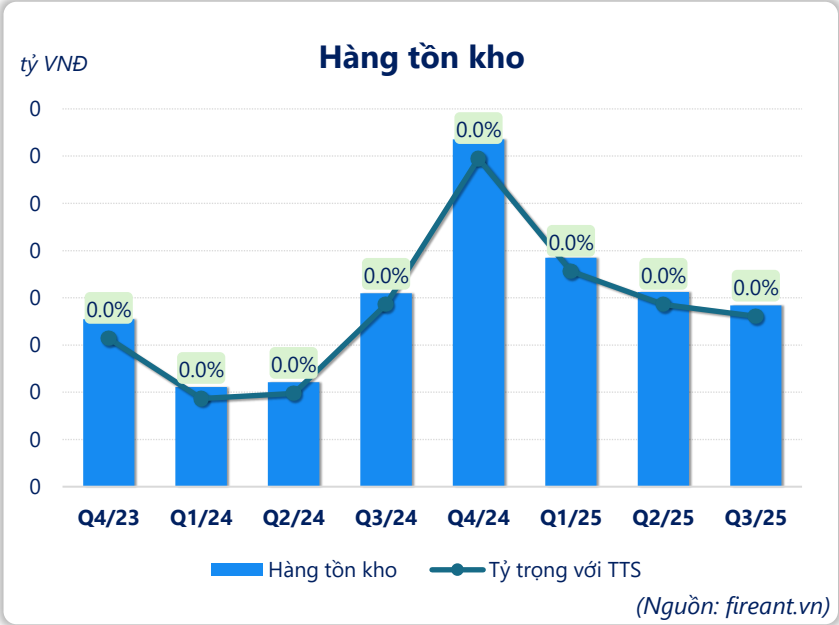
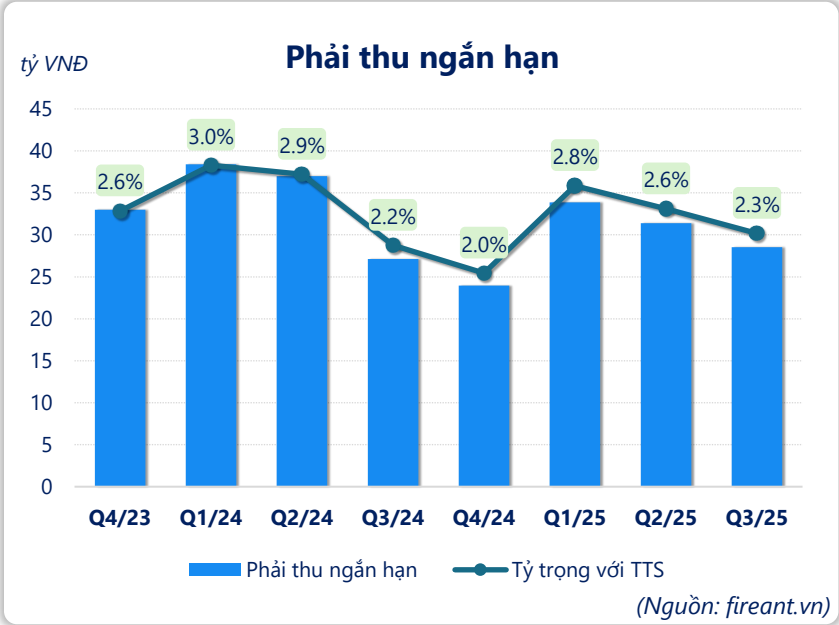
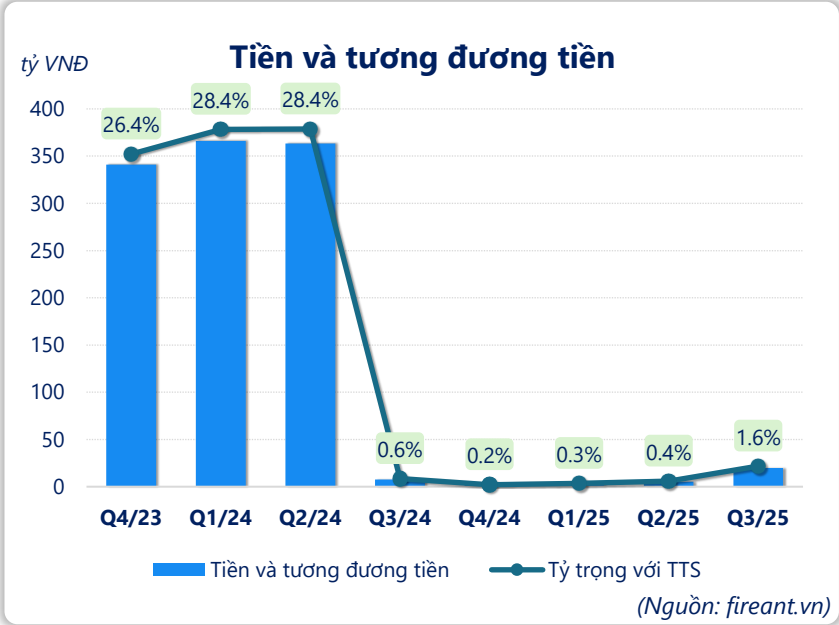
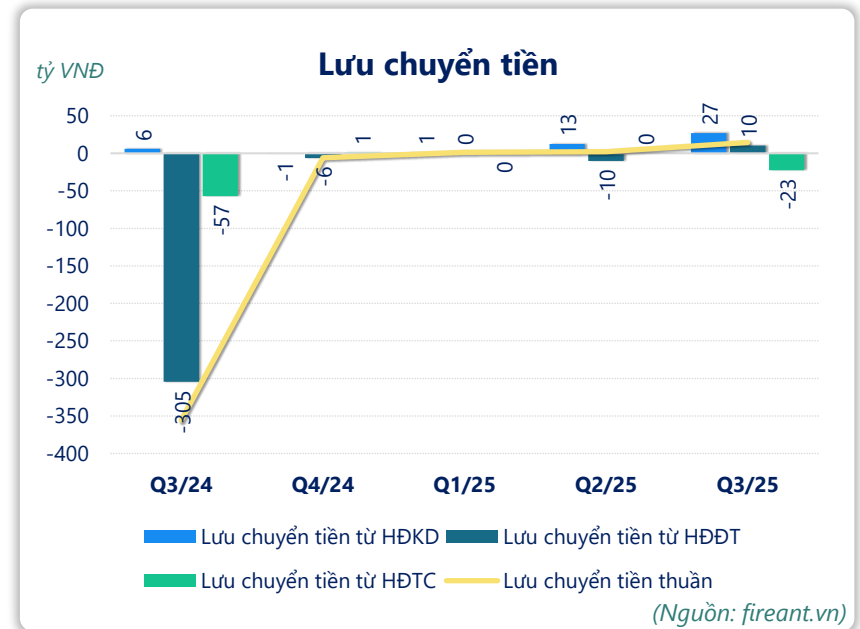
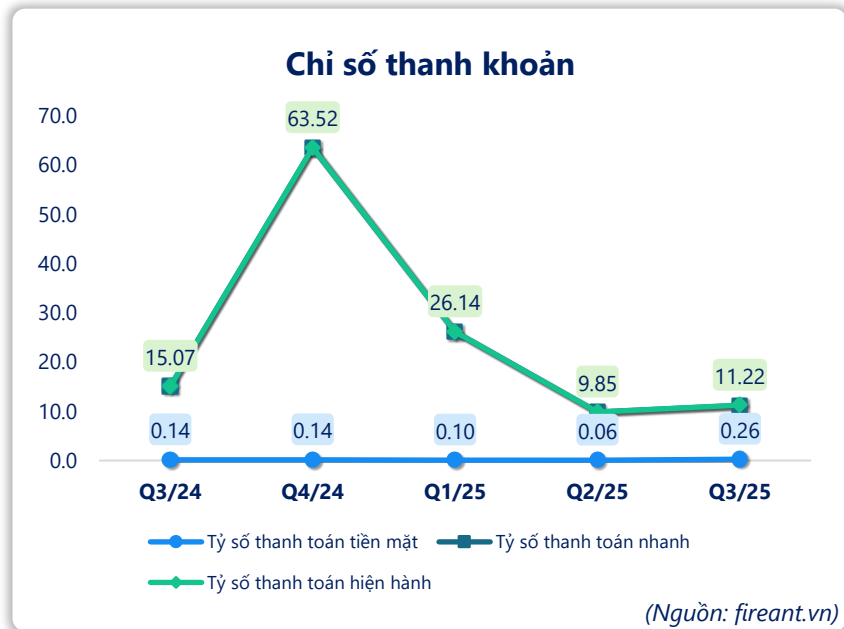
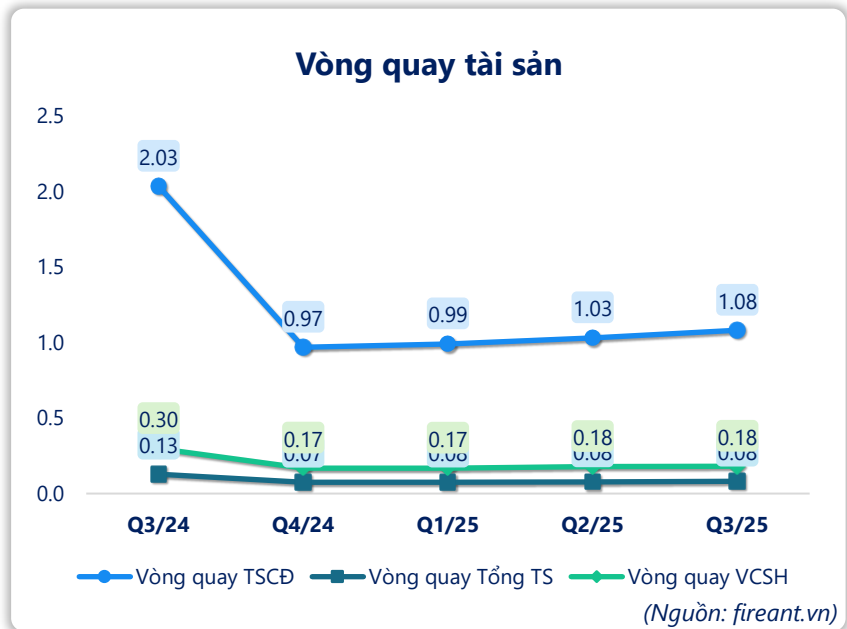
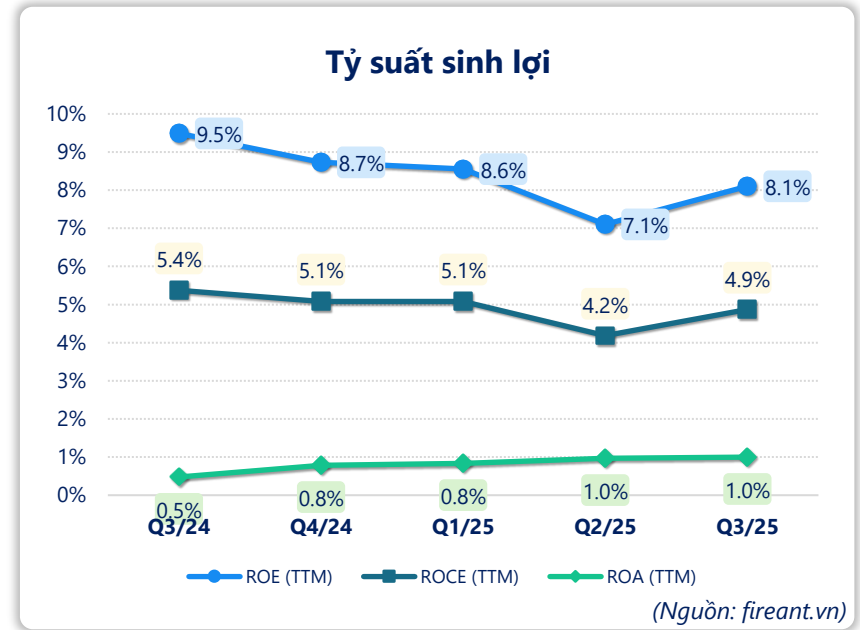
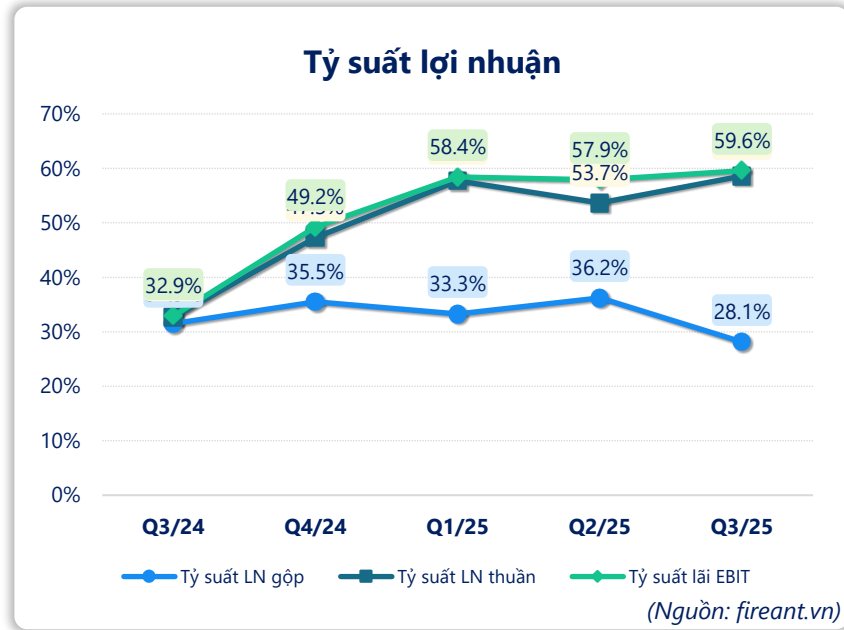
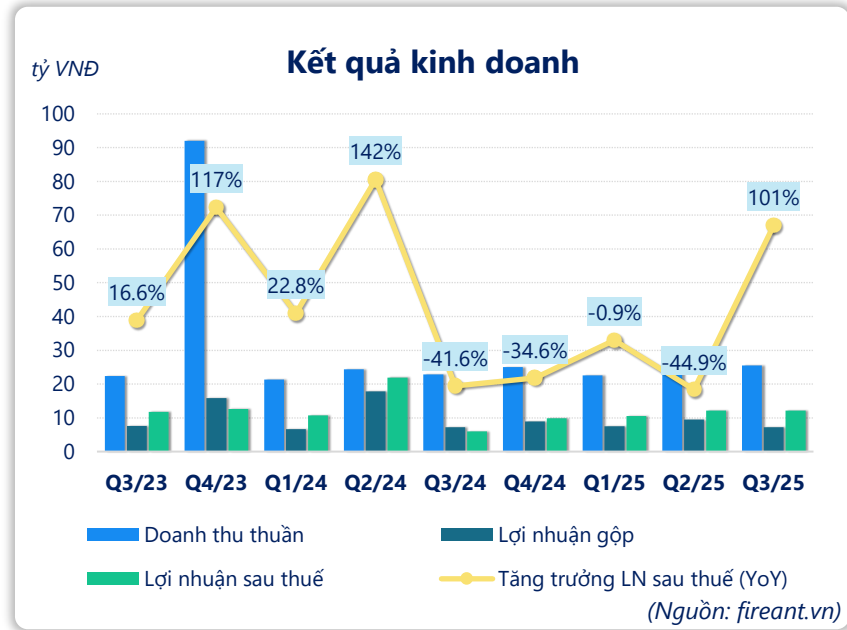


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		46,067
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,121
SL cổ phiếu LH		24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		625
% sở hữu nước ngoài		2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		679
P/E		15.2
EPS		1,858

	YTD	1T	3T	6T
MH3	-11.3%	-3.1%	-4.2%	-35.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,215	1,207	0.7%
Tài sản ngắn hạn	858	838	2.4%
Tiền và tương đương tiền	19.9	1.86	967%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	810	810	-0.1%
Phải thu ngắn hạn	28.5	23.7	20.3%
Hàng tồn kho	0.19	0.37	-47.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.16	2.16	-92.4%
Tài sản dài hạn	357	369	-3.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	90.0	94.1	-4.3%
Bất động sản đầu tư	125	133	-6.3%
Tài sản dở dang	23.6	23.2	1.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	119	118	0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	631	615	2.6%
Nợ ngắn hạn	76.5	30.7	149%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.26	4.91	7.1%
Nợ dài hạn	555	585	-5.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	584	592	-1.3%
Vốn chủ sở hữu	551	557	-1.0%
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	32.8	35.1	-6.4%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	22.8	25.1	22.5	26.2	25.5
Giá vốn hàng bán	15.7	16.2	15.0	16.7	18.3
Lợi nhuận gộp	7.19	8.91	7.50	9.50	7.18
Doanh thu HĐTC	4.11	9.47	9.32	9.48	9.82
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Chi phí QLDN	3.81	6.49	3.78	4.88	2.02
LN thuần từ HĐKD	7.47	11.9	13.0	14.1	15.0
Lợi nhuận khác	0.05	0.48	0.15	1.11	0.25
LN trước thuế	7.52	12.3	13.2	15.2	15.2
Lợi nhuận sau thuế	5.99	9.84	10.5	12.1	12.1
LNST của CĐ cty mẹ	5.99	9.84	10.5	12.1	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.13	-0.56	1.06	12.5	26.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-305	-6.32	0.20	-10.3	10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-57.1	1.02	-0.02	0.02	-22.7
Tiền đầu kỳ	363	7.73	1.86	3.11	5.38
Lưu chuyển tiền thuần	-356	-5.86	1.24	2.28	14.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.73	1.86	3.11	5.38	19.9

(Nguồn: fireant.vn)